**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ ĐƯỜNG LUẬT**

**I**. **LÝ THUYẾT**

**1. Đặc điểm chung của thơ Đường luật**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu về thơ Đường luật** | |
| **1. Xuất xứ** | Xuất hiện từ thời nhà Đường (Trung Quốc); hiện nay phổ biến ở các nước khu vực văn hoá Đông Á. |
| **2. Thể thơ chính** | 2 thể chính:  - Bát cú Đường luật  - Tứ tuyệt Đường luật |
| **3. Đặc điểm nghệ thuật** | - Quy định nghiêm ngặt về hoà thanh, về niêm, đối, vần và nhịp.  - Ngôn ngữ: cô đọng, hàm súc.  - Bút pháp: tả cảnh ngụ tình; lấy động tả tĩnh, lấy động tả tĩnh, lấy điểm tả diện,... |
| **4. Đặc điểm nội dung** | - Thể hiện tâm sự, cảm xúc của tác giả về thiên nhiên, thời cuộc, thân phận con người.  - Ý thơ thường gắn với mối quan hệ giữa cảnh và tình, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,... |

**2**. **Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật và Tứ tuyệt Đường luật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Thất ngôn bát cú Đường luật** | **Tứ tuyệt Đường luật** |
| **1. Số câu, số chữ** | 8 câu – mỗi câu 7 chữ | 4 câu – mỗi câu có 5 chữ hoặc 7 chữ |
| **2. Bố cục** | 4 cặp câu tương ứng 4 phần: đề - thực – luận – kết | 4 câu được triển khai: khởi – thừa – chuyển – hợp |
| **3. Niêm và luật bằng trắc** | **- Về luật bằng trắc:**  + Nếu chữ thứ 2 của câu thứ nhất là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng. Nếu chữ thứ 2 của câu thứ nhất là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc.  + Các thanh bằng, trắc phải đan xen nhau trong một câu đảm bảo sự hài hoà, cân bằng: ở chữ 2, 4, 6 trong mỗi cặp câu phải ngược nhau về thanh bằng, trắc.  - **Về niêm** (dính): chữ thứ 2 của hai cặp câu liền nhau (câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8) phải cùng thanh. | Cơ bản giống thể bát cú. |
| **4. Vần và nhịp** | - **Gieo vần**: Chỉ gieo 1 vần (vần bằng) ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8. Riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt.  - Ngắt nhịp: thường ngắt nhịp 4/3. | - **Gieo vần**: gieo một vần ở cuối các câu 1, 2, 4.  - Ngắt nhịp: thường ngắt nhịp 4/3. |
| **5. Đối** | Chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận. | Không bắt buộc phải đối. |

**Sơ đồ bài thơ thất ngốn bát cú theo *luật bằng***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Đối |
| 1 | B B T T T B B |  | B |  |
| 2 | T T B B T T B | Câu 2 và 3 | B |  |
| 3 | T T B B B T T |  | Đối |
| 4 | B B T T T B B | Câu 4 và 5 | B |
| 5 | B B T T B B T |  | Đối |
| 6 | T T B B T T B | Câu 6 và 7 | B |
| 7 | T T B B B T T |  |  |
| 8 | B B T T T B B |  | B |  |

**Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú theo *luật trắc***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Đối |
| 1 | T T B B T T B |  | B |  |
| 2 | B B T T T B B | Câu 2 và 3 | B |  |
| 3 | B B T T B B T |  | Đối |
| 4 | T T B B T T B | Câu 4 và 5 | B |
| 5 | T T B B B T T |  | Đối |
| 6 | B B T T T B B | Câu 6 và 7 | B |
| 7 | B B T T B B T |  |  |
| 8 | T T B B T T B |  | B |  |

**3. Cách đọc hiểu thơ Đường luật**

- Cần chú ý đặc điểm thể loại, văn tự, đề tài, chủ đề, không gian, thời gian và sự liên hệ giữa các câu thơ trong bài. Nếu là thơ bằng chữ Hán, trước khi đọc phần Dịch thơ cần đọc kĩ phần Dịch nghĩa để hiểu rõ ý các câu thơ. Chú ý đối sánh giữa phần phiên âm và phần dịch thơ.

- Hiểu được bài thơ là lời của ai; nói về điều gì; nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ (*nghệ thuật đối, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,…)*

- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.

**II. THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ ĐƯỜNG LUẬT THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI**

**\*Cấu trúc đề đọc hiểu 6,0 điểm:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Đọc hiểu thơ** | **Thơ Đường luật** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Nhận biết được nhân vật trữ tình/ chủ thể trữ tình trong bài thơ  - Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra.  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích.  + Nhận xét về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.  + Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |

**Đề số 01: Đọc văn bản sau:**

**Đọc bài thơ sau :**

**BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

**(Nguyễn Khuyến)**

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,*

*Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.*

*Ao sâu nước cả, khôn chài cá,*

*Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.*

*Cải chửa ra cây, cà mới nụ,*

*Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.*

*Đầu trò tiếp khách, trầu không có,*

*Bác đến chơi đây, ta với ta.*

            (*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

**Lựa chọn phương án đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Lục bát

D. Song thất lục bát

**Câu 2.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng

B. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp

C. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “bác”

          D. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “ta”

**Câu 3.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

A. 1 – 2 và 3 – 4

B. 1 – 2 và 7 – 8

C. 3 – 4 và 5 – 6

D. 5 – 6 và 7 – 8

**Câu 4.** [Trong các dòng sau, dòng nào là thành ngữ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/trong-cac-dong-sau-dong-nao-la-thanh-ngu-a-ao-sau-nuoc-ca-trac-nghiem-mon-ngu-62088)

A. Ao sâu nước cả

B. Cải chửa ra cây

C. Bầu vừa rụng rốn

D. Đầu trò tiếp khách

**Câu 5.** Việc sử dụng đại từ nhân xưng “bác” trong câu thơ “*Đã bấy lâu nay bác tới nhà*” có tác dụng thể hiện thái độ gì của tác giả?

A.Thái độ hờ hững

B.Thái coi thường

C.Thái độ niềm nở, thân mật, kính trọng

D.Thái độ bình thường

**Câu 6.** Chủ đề của bài thơ trên là gì?

A. Tình bạn

B. Lòng biết ơn

C. Tình yêu

D. Thiên nhiên

**Câu 7**. [Nhận định nào **không đúng** về bài thơ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/nhan-dinh-nao-khong-dung-ve-bai-tho-b-the-hien-cuoc-song-ngheo-tung-khon-kho-62094)

A. Bài thơ thể hiện tâm trạng mừng vui khi có bạn đến chơi nhà.

B. Thể hiện cuộc sống nghèo túng, khốn khó và nỗi hổ thẹn với bạn.

C. Sử dụng từ ngữ thuần việt, giản dị, gần gũi cuộc sống thôn quê.

D. Thể hiện tình bạn đầm đà, thắm thiết.

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 8.** Qua bài thơ “Bạn đến chơi nhà”, nhân vật trữ tình đề cao điều gì?

**Câu 9**. Anh/ Chị nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho bạn?

**Câu 10**. Viết đoạn văn ngắn (7 - 10 dòng) trình bày suy nghĩ về vai trò của những giá trị tinh thần trong cuộc sống của mỗi người.

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | B. Thất ngôn bát cú Đường luật |
| **2** | D. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “ta” |
| **3** | C. 3 – 4 và 5 – 6 |
| **4** | A. Ao sâu nước cả |
| **5** | C. Thái độ niềm nở, thân mật, kính trọng |
| **6** | A. Tình bạn |
| **7** | B. Thể hiện cuộc sống nghèo túng, khốn khó và nỗi hổ thẹn với bạn. |
| **8** | Qua bài thơ “Bạn đến chơi nhà”, nhân vật trữ tình đã đề cao tình bạn chân thành, trong sáng, không màng tới vật chất. |
| **9** | - Bài thơ thể hiện tình cảm của tác giả dành cho bạn: Nhà thơ vui mừng khi bạn tới nhà. Tuy không có gì tiếp đãi bạn nhưng vẫn tỏ ra cởi mở, chân thành, kính trọng.  - Tình cảm mà tác giả dành cho bạn rất chân thành, trong sáng. Đó là tình cảm cao đẹp giữa những người bạn tri âm tri kỉ. |
| **10** | \*Hình thức: Viết đoạn văn, đảm bảo dung lượng và hình thức đoạn văn.  \*Nội dung: HS nêu được suy nghĩ gì về vai trò của những giá trị tinh thần trong cuộc sống của mỗi người. Có thể theo hướng sau:  - Những giá trị tinh thần đem lại niềm vui cho con người, giúp cuộc sống con người trở nên giá trị, có ý nghĩa hơn.  - Những giá trị tinh thần đôi khi còn đáng quý hơn những giá trị vật chất tầm thường, nó mang những tâm hồn đồng điệu đến với nhau.  … |

**Đề số 02: Đọc văn bản sau:**

**THU VỊNH**

**(Nguyễn Khuyến)**

*Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*

*Nước biếc trông như tầng khói phủ,*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,*

*Một tiếng trên không ngỗng nước nào?*

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*

*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào(1).*

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

**Chú thích :**

(1) *Ông Đào:* ở đây chỉ Đào Uyên Minh, còn gọi là Đào Tiềm (365 - 427), tự Nguyên Lượng, người đất Tầm Dương, Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Từ năm 29 đến năm 41 tuổi, có nhiều lần Đào Uyên Minh ra làm quan và cũng nhiều lần xin từ chức. Đến năm 405, ông chính thức tuyên bố rút về ở hẳn với điền viên. Lúc bấy giờ ông mới 40 tuổi và viết bài thơ “Quy khứ lai từ” (Về đi thôi!).

**Lựa chọn phương án trả lời đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ *Thu vịnh* được viết theo thể thơ nào?

A. Thể thơ thất ngôn

B. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật

C. Thể thơ song thất lục bát

D. Thể thơ tự do

**Câu 2**. Cảnh mùa thu được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài“Thu vịnh” là ở vùng quê nào?

A. Đồng bằng Trung Bộ

B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Đồng bằng Bắc Bộ

D. Đồng bằng duyên hải miền Trung.

**Câu 3.** Hình ảnh nào xuất hiện trong cả hai bài thơ *Thu vịnh* và *Thu điếu*?

A. Trời thu

B. Ao thu

C. Trăng thu

D. Lá thu

**Câu 4**. Ý nào **không** đúng về đặc điểm gieo vần của bài thơ *Thu vịnh*?

A. Gieo vần chân

B. Vần bằng

C. Vần "ao" được gieo ở tiếng thứ 7 của các câu 1, 2, 4, 6, 8

D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt

**Câu 5**. Điểm nhìn để đón nhận cảnh thu của Nguyễn Khuyến trong bài thơ *Thu vịnh* là:  
A. Điểm nhìn từ trên cao.

B. Điểm nhìn từ dưới thấp.

C. Điểm nhìn từ gần đến cao xa, từ cao xa lại trở về gần.

D. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa.

**Câu 6.** Bức tranh mùa thu trong *Thu vịnh* là bức tranh như thế nào?

A. Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ.

B. Bức tranh thiên nhiên ảm đạm, hiu hắt.

C. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng tĩnh lặng, gợi buồn.

D. Bức tranh thiên nhiên mới mẻ, kì thú, đậm chất phương xa, xứ lạ.

**Câu 7**. Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong bài thơ là gì?

A. Nhớ nhung, sầu muộn.

B. U buồn, tủi hổ.

C. Cô đơn, u hoài.

D. Chán chường, ngán ngẩm.

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 8**. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong hai câu thơ sau:  
 *Nước biếc trông như tầng khói phủ*

*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*

**Câu 9.** Nêu nhận xét của anh/chị về nỗi thẹn của Nguyễn Khuyến trong bài thơ.

**Câu 10.** Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 – 10 dòng) trình bày suy nghĩ về giá trị của những phút nhìn lại mình.

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | B. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. |
| **2** | C. Đồng bằng Bắc Bộ. |
| **3** | A. Trời thu. |
| **4** | D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt. |
| **5** | D. Điểm nhìn từ cao xa, về gần thấp rồi lại đến cao xa. |
| **6** | C. Bức tranh thiên nhiên đẹp, thanh sơ, yên bình nhưng tĩnh lặng, gợi buồn. |
| **7** | B. U buồn, tủi hổ. |
| **8** | Hai câu thơ:  *Nước biếc trông như tầng khói phủ  Song thưa để mặc bóng trăng vào.* - Phép so sánh: nước biếc như tầng khói phủ. - Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật:  + Góp phần tạo ấn tượng về bức tranh thiên nhiên mùa thu đẹp huyền ảo, thơ mộng;  + Đồng thời tăng tính gợi hình, gợi cảm cho lời thơ. |
| **9** | Nhận xét về nỗi thẹn của thi nhân được gửi gắm trong bài thơ:  - Nỗi thẹn của một nhà nho khiêm tốn, kín đáo giãi bày tâm sự yêu nước tha thiết, quyết giữ vững khí tiết, xem người xưa như tấm gương để răn mình.  - Nỗi thẹn chứng minh cho nhân cách cao đẹp của con người luôn đau đáu với đất nước, nhân dân… |
| **10** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:  **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.  **- Nội dung:** Suy nghĩ về giá trị của những phút nhìn lại mình:  + Những phút nhìn lại mình thực tế là cách nhìn lại, lắng nghe tâm hồn, giúp ta thấu hiểu bản thân, kiểm điểm chính mình để tự điều chỉnh; biết cân bằng cuộc sống; biết mình đang ở đâu, mình nghĩ gì, mình cần gì, đã làm gì, như thế nào và sẽ làm ra sao…để thực sự sống sâu sắc và có chất lượng.  + Những phút nhìn lại mình cũng chính là khi ta tự soi mình vào người khác, đặt trong mối quan hệ với mọi người, với cộng đồng, xã hội để biết cách ứng xử, giao tiếp, biết điều chỉnh hành vi, thái độ, năng lực, phẩm chất… sống đúng đắn, vươn tới chuẩn mực, hoàn thiện bản thân, thích nghi, hòa nhập và góp phần lan tỏa năng lượng sống tích cực, tốt đẹp, ý nghĩa… |

**Đề bài 03: Đọc bài thơ sau:**

**THU ẨM**

*(Nguyễn Khuyến)*

*Năm gian nhà cỏ thấp le te,  
Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.  
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,  
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.  
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?  
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe.  
Rượu tiếng rằng hay, hay chẳng mấy.  
Độ năm ba chén đã say nhè.*

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, 1971)

**Lựa chọn phương án trả lời đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào ?

A. Tự do

C. Lục bát

B. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

D. Thất ngôn bát cú Đường luật  
**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính trong bài thơ là  
A. Tự sự  
B. Miêu tả  
C. Biểu cảm  
D. Nghị luận

**Câu 3.** Câu thơ*Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?* sử dụng biện pháp tu từ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Câu hỏi tu từ  B. Nhân hoá | C. Đối  D. So sánh |

**Câu 4.**Các từ tượng hình được sử dụng trong bài thơ là

A. *le te, lập lòe, phất phơ, đêm sâu*

B. ***le te, lập lòe, phất phơ, lóng lánh***

C. *lập lòe, phất phơ, đỏ hoe, lóng lánh*

D*. le te, lập lòe, phất phơ, say nhè*

**Câu 5.** Điểm giống nhau về đề tài của *Thu ẩm* và *Thu điếu*  là  
A. Đều viết về trời thu  
B. Đều viết về ao thu  
C. Đều viết về thiên nhiên mùa thu và nỗi lòng thi nhân  
D. Đều viết về cuộc sống an nhàn, ẩn dật của thi nhân.

**Câu 6.** Tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong 2 câu thực và 2 câu luận là  
A. Phép đảo ngữ có tác dụng tô đậm vẻ đẹp của cảnh mùa thu.  
B. Phép đối có tác dụng tô đậm vẻ đẹp của cảnh thu, nỗi lòng của thi nhân và khiến lời thơ thêm cân xứng, hài hòa.  
C. Sử dụng câu hỏi tu từ với đại từ "ai" nhấn mạnh màu xanh của bầu trời.  
D. Biện pháp nghệ thuật nói quá "da trời ai nhuộm", "xanh ngắt" nhấn mạnh màu xanh của bầu trời.

**Câu 7.** Đáp án **không phải** giá trị nội dung của bài "Thu ẩm"?

A. Bài thơ bộc lộ tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước của Nguyễn Khuyến.

B. Bài thơ viết về cảnh sắc mùa thu ở Đồng bằng Bắc Bộ.

C. Bài thơ bộc lộ tâm trạng thế thời và tài thơ Nôm của tác giả.

D. Bài thơ châm biếm, đả kích bọn thực dân xâm lược.

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 8.** Nhận xét về nghệ thuật miêu tả cảnh vật mùa thu của Nguyễn Khuyến trong bài thơ.

**Câu 9.**Câu cá, uống rượu đều là những thú chơi, thú vui tao nhã mà các nhà nho khi ở ẩn tìm đến vui, để tâm hồn thư thái, quên đi việc đời. Trong bài thơ *Thu ẩm*, Nguyễn Khuyển có đạt được kết quả đó hay không?

**Câu 10.** Tâm trạng của nhà thơ trong bài thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | D. Thất ngôn bát cú Đường luật |
| **2** | C. Biểu cảm |
| **3** | A. Câu hỏi tu từ |
| **4** | B. *le te, lập lòe, phất phơ, lóng lánh* |
| **5** | C. Đều viết về thiên nhiên mùa thu và nỗi lòng thi nhân |
| **6** | B. Phép đối có tác dụng tô đậm vẻ đẹp của cảnh thu, nỗi lòng của thi nhân và khiến lời thơ thêm cân xứng, hài hòa. |
| **7** | D. Bài thơ châm biếm, đả kích bọn thực dân xâm lược. |
| **8** | Để miêu tả cảnh vật mùa thu, Nguyễn Khuyến dùng nhiều từ láy gợi hình đặc sắc, gieo vần độc đáo, hình ảnh thơ mộc mạc giản dị, tạo nên khung cảnh mùa thu đặc trưng của làng quê Bắc Bộ Việt Nam. |
| **9** | HS bày tỏ suy nghĩ của bản thân và lí giải.  Có thể theo hướng: Trong bài thơ *Thu ẩm,* nhà thơ Nguyễn Khuyến không đạt được ước nguyện hưởng thụ thú vui tao nhã khi về quê ở ẩn. Hình ảnh thơ "*mắt không vầy cũng đỏ hoe"* gợi lên tâm trạng có phần suy tư, đau xót, bâng khuâng không rõ ràng của chính nhà thơ. Nhà thơ buồn bã, day dứt không nguôi trước vận nước rối ren, đành mượn vài chén rượu giải khuây nhưng càng uống lại càng thấy nỗi niềm đó hiện ra rõ rệt hơn, làm lảo đảo đến cả cảnh vật đêm thu.  => Dù cho nhà thơ có thưởng thức rượu nhưng cũng chẳng thể hưởng thụ trọn vẹn và thư thái tâm hồn. Đó là tâm trạng của một nhà nho ở ẩn nhưng vẫn luôn đau đáu, băn khoăn trước tình cảnh của đất nước. |
| **10** | - Tâm trạng của tác giả: buồn, cô đơn, u hoài trước cảnh vật, mang nỗi niềm tâm sự sâu kín.  - Suy nghĩ của bản thân được gợi ra từ tâm trạng của nhà thơ:  + Bồi đắp cho chúng ta tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước.  + Gợi lên trách nhiệm của mỗi người trong tình cảnh đất nước mất chủ quyền. |

**Đề số 04: Đọc văn bản sau:**

**Ngôn chí \*(bài 3)**

Nguyễn Trãi

*Am trúc hiên mai(1) ngày tháng qua.  
Thị phi(2) nào đến cõi yên hà(3).  
Cơm ăn dầu có dưa muối;  
Áo mặc nài chi gấm là(4).  
Nước dưỡng(5) cho thanh, trì(6) thưởng nguyệt;  
Ðất cày ngõ ải, lảnh ương hoa.  
Trong khi hứng động(7) vừa đêm tuyết,  
Ngâm được câu thần dặng dặng(8) ca.*

*(*Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Sđd, tr.396)

(\*) ***Ngôn chí****:* chùm thơ gồm 21 bài trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

(1) *Hiên mai:* chỉ nơi ở yên tĩnh của người ẩn dật.

**(**2**)** *Thị phi:* điều phải và điều trái, ý nói dư luận của người đời.

(3)*Yên hà*: chỉkhói và ráng chiều, ở đây để chỉ chốn thiên nhiên thanh tĩnh, cách xa cuộc sống xô bồ.

**(**4) *Là*: một loại vải the mỏng

(5) *Dưỡng*: nuôi dưỡng, giữ gìn

(6) *Trì*: ao

(7) *Hứng động*: cảm hứng, thi hứng được khơi dậy.

(8) *Dặng dặng*: cất tiếng mà ngâm, ca.

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Dòng nào dưới đây nhận xét đúng nhất về bài thơ *Ngôn chí* (bài 3) của Nguyễn Trãi?

A. Đây là bài thơ Đường luật viết bằng chữ Hán

B. Đây là bài thơ thất ngôn Đường luật

C. Đây là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật viết bằng chữ Nôm.

D. Đây là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật chữ Nôm xen câu lục ngôn.

**Câu 2**. Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Biểu cảm  B. Nghị luận | C. Miêu tả  D. Tự sự |

**Câu 3**. Ý nào nói đúng nhất về nơi ở của nhân vật trữ tình được nói đến ở hai câu đầu?

A. Nơi yên tĩnh, không một bóng người

B. Gắn bó với khung cảnh thiên nhiên

C. Nơi đô hội phồn hoa, nhiều thú vui

D. Nơi yên tĩnh, gắn bó với thiên nhiên, cách xa cuộc sống xô bồ.

**Câu 4.** Từ nào **không phải** từ Hán Việt trong các từ sau?

|  |  |
| --- | --- |
| A. *Thị phi*  B. *Đất cày* | 1. *C.Yên hà* 2. *D. Hứng động* |

**Câu 5.** Dòng nào sau đây **chưa đúng** khi nói về đặc điểm của hình ảnh thơ trong bài?

A. Hình ảnh thiên nhiên bình dị, gần gũi, quen thuộc

B. Hình ảnh thơ gợi khung cảnh chốn thôn quê, yên tĩnh

C. Hình ảnh ước lệ, trang trọng, gắn với cuộc sống chốn ẩn dật

D. Hình ảnh gắn với cuộc sống ẩn dật của nhân vật trữ tình.  
**Câu 6**. Phát biểu nào đúng nhất về quan niệm sống được Nguyễn Trãi thể hiện trong hai câu thơ 3 và 4?

A. Đề cao cuộc sống ẩn dật, lánh đời, giữ khí tiết.

B. Đề cao cuộc sống giản dị, đơn sơ, không cầu cuộc sống xa hoa.

C. Mong muốn cuộc sống giàu có, xa hoa trong gấm lụa.

D. Mong muốn được sống gắn bó với thiên nhiên

**Câu 7.** Dòng nào **không đúng** khi nói về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ*Ngôn chí* (bài 3) của Nguyễn Trãi?

A. Sử dụng những thi liệu gắn với cuộc sống đời thường chốn thôn quê.

B. Sử dụng hai câu lục ngôn tạo điểm nhấn cho bài thơ.

C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị nhưng giàu sức biểu cảm.

**Thực hiện yêu cầu từ câu 8 đến câu 10:**

**Câu 8.** Nhận xét vềcuộc sống của nhà thơ hiện lên trong bốn câu thơ cuối.

**Câu 9**. Chỉ ra vị trí và giá trị của những câu lục ngôn trong bài thơ.

**Câu 10.** Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu suy nghĩ về ý nghĩa của thiên nhiên đối với con người.

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | D. Đây là bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật chữ Nôm xen câu lục ngôn |
| **2** | A. Biểu cảm |
| **3** | D. Nơi yên tĩnh, gắn bó với thiên nhiên, cách xa cuộc sống xô bồ. |
| **4** | B. *Đất cày* |
| **5** | C. Hình ảnh ước lệ, trang trọng, gắn với cuộc sống chốn ẩn dật |
| **6** | B. Đề cao cuộc sống giản dị, đơn sơ, không cầu cuộc sống xa hoa. |
| **7** | C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ. |
| **8** | **-** Bốn câu thơ cuối đã đề cập đến những thú vui thanh cao, tao nhã của nhà thơ: thưởng nguyệt (ngắm trăng), ương hoa (trồng hoa), ngâm thơ. Bốn câu thơ đã miêu tả những khoảnh khắc đẹp đẽ, quý giá trong cuộc sống thường ngày của nhà thơ khi giao hoà với thiên nhiên, khi thi hứng được khơi nguồn.  - Qua đó, ta thấy cuộc sống của nhà thơ hiện lên giản dị, đơn sơ về vật chất mà phong phú, giàu có về tinh thần. |
| **9** | - HS chỉ ra vị trí các câu lục ngôn :  Cặp câu 3 – 4:  *Cơm ăn dầu có dưa muối; Áo mặc nài chi gấm là*  - Giá trị các câu lục ngôn:  + Nhấn mạnh cuộc sống đơn sơ, đạm bạc, giản dị mà thanh cao của nhà thơ.  + Góp phần tạo nhịp điệu cho bài thơ. |
| **10** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:  \***Hình thức**: Đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng (5 – 7 dòng)  \***Nội dung:** Ý nghĩa của thiên nhiên đối với con người:  - Thiên nhiên cung cấp cho con người các nguồn tài nguyên phục vụ cho cuộc sống và hoạt động sản xuất.  - Giúp ta nuôi dưỡng đời sống tinh thần thêm phong phú; xua tan đi những mệt mỏi sau những giờ học tập, làm việc.  - Đem lại niềm vui cho con người.  … |

**Đề số 05: Đọc văn bản sau:**

**Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

**THĂNG LONG THÀNH HOÀI CỔ**(\*)

(Bà Huyện Thanh Quan)  
*Tạo hóa gây chi cuộc hí trường(1)  
Đến nay thấm thoắt mấy tinh sương(2)  
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo(3),  
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương(4),  
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt(5),  
Nước còn cau mặt với tang thương(6)  
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ.  
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường(7)*

(Nguồn: Nguyễn Tường Phượng, Phan Văn Sách, Bùi Hữu Sủng, *Việt văn diễn giảng hậu bán thế kỷ thứ XIX*, Trường Nguyễn Khuyến xuất bản, Hà Nội, 1953)

**Chú giải:**

**(\*)** Thăng Long là kinh đô nước ta từ đời nhà Lý đến đời nhà Lê, đến đời Minh Mệnh nhà Nguyễn thì đổi ra tỉnh Hà Nội. Đi qua cố đô, Bà Huyện Thanh Quan, đại biểu cho giai cấp sĩ phu Bắc Hà, bâng khuâng trước sự di đô đổi triều, đau lòng trước sự tang thương.

*(1)Hí trường*: Sân khấu diễn tuồng. Ở đây dùng ví với cuộc đời, vì nối tiếp hết lớp này tiếp lớp khác, luôn biến đổi;

*(2)Tinh sương*: Một năm, tinh là sao, mỗi năm di chuyển một vòng, sương theo thời tiết, mỗi năm giáng một lần;

*(3)Thu thảo*: Cỏ mùa thu;

*(4)Tịch dương*: Bóng mặt trời lúc chiều tà;

*(5)Tuế nguyệt*: Năm tháng;

*(6)Tang thương*: Do chữ "thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành ruộng dâu), chỉ việc sự vật thay đổi;

*(7)Đoạn trường*: Đau lòng đứt ruột.  
**Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 7) :**

**Câu 1.** Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào ?   
A. Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  
B. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật  
C. Thể thơ song thất lục bát  
D. Thể thơ tự do

**Câu 2.** Những câu thơ nào gợi lên hình ảnh hoang tàn, phế tích của kinh thành xưa?

A. Hai câu đề

B. Hai câu thực

C. Hai câu luận

D. Hai câu kết

**Câu 3.** Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ nào?

*Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,  
Nước còn cau mặt với tang thương*

A. Đối và ẩn dụ C. Nhân hoá và đối

B. Điệp và nhân hoá D. Đối và so sánh

**Câu 4**. Ý nào **không** đúng về đặc điểm gieo vần của bài thơ *Thăng Long thành hoài cổ*?  
A. Gieo vần chân “ương”.  
B. Vần bằng.  
B. Vần "ương" được gieo ở tiếng thứ 7 của các câu 1, 2, 4, 6, 8.  
D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt.

**Câu 5.**Từ nào **không phải** từ Hán Việt trong các từ sau?

|  |  |
| --- | --- |
| A*. Trơ gan*  B. *Hí trường* | C*. Tuế nguyệt*  D. *Kim cổ* |

**Câu 6.** Nội dung hai câu luận là?

*Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,  
 Nước còn cau mặt với tang thương*

A. Sự vĩnh hằng, bất biến của thiên nhiên, vũ trụ trước thời gian.

B. Cảnh vật mang tình người và hồn người.

C. Thiên nhiên biến đổi theo vòng quay của tạo hoá, vũ trụ.

D. Nỗi niềm hoài cổ, tự hào về kinh thành xưa.

**Câu 7.** Dòng nào **không đúng** khi nói về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ*Thăng Long thành hoài cổ?*

A. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.

B. Sử dụng những thi liệu gắn với cuộc sống đời thường chốn thôn quê.

C. Hình ảnh ước lệ nhưng gợi cảm.

D. Phép đối chặt chẽ, bút pháp tả cảnh ngụ tình.

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 8.** Nhận xét về ngôn ngữ thơ của bà Huyện Thanh Quan sử dụng trong bài thơ.  
**Câu 9.**Nêu cảm nhận về tâm trạng của tác giả thể hiện trong bài thơ.  
**Câu 10.** Viết đoạn văn ngắn (7 – 10 dóng) nêu suy nghĩ về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị trong quá khứ.

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | B. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật |
| **2** | B. Hai câu thực |
| **3** | C. Nhân hoá và đối |
| **4** | D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt |
| **5** | A*. Trơ gan* |
| **6** | A. Sự vĩnh hằng, bất biến của thiên nhiên, vũ trụ trước thời gian |
| **7** | B. Sử dụng những thi liệu gắn với cuộc sống đời thường chốn thôn quê. |
| **8** | Nhận xét về ngôn ngữ thơ của bà Huyện Thanh Quan: Ngôn ngữ thơ của bà huyện Thanh Quan là ngôn ngữ trang trọng, cổ điển, có sự xuất hiện dày đặc của các từ ngữ Hán Việt. |
| **9** | Tâm trạng của tác giả trong bài thơ: Bài thơ thể hiện nỗi niềm hoài cổ của thi sĩ về kinh thành Thăng Long xưa. Những triều đại vàng son, huy hoàng, tráng lệ ngày trước nay chỉ còn là cảnh hoang phế, điêu tàn, vắng lặng. Đứng trước cảnh đó, lòng người chất chứa biết bao cảm giác xót xa, ngậm ngùi, nhớ tiếc. |
| **10** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:  **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;   -  **Nội dung:** suy nghĩ về sự cần thiết phải trân trọng những giá trị trong quá khứ: + Những giá trị của quá khứ sẽ là nền tảng cho hiện tại và tương lai ( là bài học kinh nghiệm vô giá...)  + Giúp con người biết hướng về cội nguồn, hình thành lối sống ân nghĩa. + Trân trọng những giá trị của quá khứ sẽ hình thành cho con người những phẩm chất cao đẹp, hoàn thành nhân cách, tâm hồn.  ... |

**Đề số 06: Đọc văn bản sau:**

**TỰ TÌNH (bài 3)**

- Hồ Xuân Hương-

*Chiếc bách(1) buồn vì phận nổi nênh,*

*Giữa dòng ngao ngán nỗi lênh đênh.*

*Lưng khoang tình nghĩa dường lai láng,*

*Nửa mạn phong ba luống bập bềnh.*

*Cầm lái mặc ai lăm đỗ bến,*

*Dong lèo(2) thây kẻ rắp xuôi ghềnh.*

*Ấy ai thăm ván(3) cam lòng vậy,*

*Ngán nỗi ôm đàn(4) những tấp tênh.*

(*Thơ Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

**(1)** *Chiếc bách*: chiếc thuyền.

(2) *Lèo:* dây buộc từ cánh buồm đến chỗ lái để điều khiển cho buồm hứng gió.

(3) *Thăm ván*: chỉ việc hỏi vợ. Xuất phát từ thành ngữ “thăm ván bán thuyền”- mới đi thăm ván, định mua về đóng thuyền mới đã vội bán thuyền cũ đang dùng. Do đó,”thăm ván” ngụ ý là “có mới”, ý chỉ việc hỏi vợ.

(4) *Ôm đàn:* chỉ việc lấy chồng. Cổ thi có câu “Bất bả tì bà quá biệt thuyền” (Không ôm đàn tì bà sang thuyền người khác) ý nói không chịu lấy chồng khác.

**Lựa chọn đáp án đúng :**

**Câu 1.** Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Biểu cảm  B. Nghị luận | C. Miêu tả  D. Tự sự |

**Câu 2**. Câu thơ “*Chiếc bách buồn về phận nổi nênh*” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. Đảo ngữ

B. Nhân hóa

C. So sánh

D. Ẩn dụ, nhân hóa

**Câu 3.** Những từ láy tượng hình được sử dụng trong bài thơ là:

A. *Nổi nênh, lênh đênh, bập bềnh, tấp tênh*

B. *Nổi nênh, ngao ngán, lênh đênh, bập bềnh, tấp tênh, lai láng*

C. *Nổi nênh, lênh đênh, bập bềnh*

D**.** *Nổi nênh, ngao ngán, lênh đênh, bập bềnh, tấp tênh*,

**Câu 4**. Nội dung của 2 câu thơ sau được hiểu như thế nào?

*“Lưng khoang tình nghĩa dường lai láng,   
Nửa mạn phong ba luống bập bềnh”*

A. Nỗi cô đơn, buồn tủi và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ.

B. Tâm hồn người phụ nữ vẫn dạt dào tình nghĩa mà sóng gió cuộc đời luôn bủa vây.

C. Sự bất lực, buông xuôi phó mặc cho số phận của người phụ nữ.

D. Sự đau khổ, chỉ còn biết cam lòng, ôm nỗi đau vào lòng của người phụ nữ.

**Câu 5**. Bài thơ *Tự tình (*bài 3) được viết bằng văn tự gì?

A. Chữ Hán

B. Chữ Nôm

C. Chữ Quốc ngữ

D. Kết hợp chữ Hán và chữ Nôm

**Câu 6.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

A. 1 – 2 và 3 – 4

B. 1 – 2 và 7 – 8

C. 3 – 4 và 5 – 6

D. 5 – 6 và 7 – 8

**Câu 7**. Qua bài thơ *Tự tình* (bài 3 ), nữ sĩ Hồ Xuân Hương bộc lộ khát vọng gì ?

A. Khát vọng về tình duyên hạnh phúc

B. Khát vọng về cuộc sống tự do

C. Khát vọng được đi đây đó như con thuyền

D. Khát vọng công danh, sự nghiệp

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 8.** Chỉ ra tác dụng của nghệ thuật đối trong hai câu thơ:  
 *“Cầm lái mặc ai lăm đỗ bến,  
 Dong lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh.”*

**Câu 9.** Nêu tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ .

**Câu 10**. Viết đoạn văn (khoảng 7- 10 dòng) nêu suy nghĩ của anh/ chị về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | A. Biểu cảm |
| **2** | D. Ẩn dụ, nhân hóa |
| **3** | C. *Nổi nênh, lênh đênh, bập bềnh* |
| **4** | B. Tâm hồn người phụ nữ vẫn dạt dào tình nghĩa mà sóng gió cuộc đời luôn bủa vây |
| **5** | B. Chữ Nôm |
| **6** | C. 3 – 4 và 5 – 6 |
| **7** | A. Khát vọng về tình duyên hạnh phúc |
| **8** | - Phép đối: Cầm lái - Dong lèo; mặc ai - thây kẻ; lăm đỗ bến - rắp xuôi ghềnh  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh tâm trạng chán chường, ngao ngán đến mức buông xuôi phó mặc cho số phận của người phụ nữ  + Tạo sự hài hòa, đăng đối cho lời thơ; tăng giá trị biểu đạt... |
| **9** | - Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ:  + Vừa đau buồn, ngao ngán trước éo le, sóng gió cuộc đời; vừa muốn gắng gượng vươn lên, vừa như cam chịu chấp nhận số phận.  + Đằng sau tâm trạng bi kịch ấy là khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nữ sĩ và cũng là tiếng lòng chung của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. |
| **10** | **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;  **- Nội dung:** Suy nghĩ về thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa:  + Những tác phẩm văn học trung đại đem lại cho chúng ta biết bao suy nghĩ cùng  sự đồng cảm với số phận bất hạnh, đặc biệt là người phụ nữ.  + Sống trong một chế độ phong kiến bất công với bao thành kiến lạc hậu, người phụ nữ luôn phải chịu những bất công, thiệt thòi, nhiều mất mát và hi sinh.  + Họ chịu sự ràng buộc, áp đặt của lễ giáo phong kiến hà khắc với đạo tam tòng, tứ đức, với thói trọng nam khinh nữ.  + Dù phải chịu nhiều bất công, ngang trái nhưng người phụ nữ vẫn giữ được sự son sắt, thủy chung cùng khát khao hạnh phúc, tình duyên.  ... |

**Đề số 07: Đọc bài thơ:**

**NHÀN**

**(Nguyễn Bỉnh Khiêm)**

*Một mai, một cuốc, một cần câu*  
 *Thơ thẩn dầu ai vui thú nào*  
*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ*  
 *Người khôn, người đến chốn lao xao*  
 *Thu ăn măng trúc, đông ăn giá*  
 *Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao*  
 *Rượu, đến gốc cây, ta sẽ uống*  
 *Nhìn xem phú quý, tựa chiêm*

(Bùi Văn Nguyên, *Thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm* (tập 1), NXB Giáo dục, 1989)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Chữ *nhàn* trong bài thơ được hiểu như thế nào?

A. Không làm gì vất vả, khó nhọc.

B. Không lo lắng suy nghĩ nhiều

C. Sống yên ổn không quan tâm đến ai

D. Sống thuận theo tự nhiên không màng công danh

**Câu 2.** Ý nào **không phải** là biểu hiện của lối sống nhàn trong bài thơ

A. Ung dung, thư thái trong việc làm, cùng như khhi vui chơi.

B. Thích đi đây đi đó để thưởng ngoạn thiên nhiên.

C. Chọn nơi vắng vẻ, không thích chốn ồn ào, bon chen.

D. Sinh hoạt giản dị mùa nào thức ấy .

**Câu 3***.*Hai câu 5-6 cho ta hiểu gì về những sinh hoạt hàng ngày của Nguyễn Bỉnh Khiêm?

A. Đạm bạc, thanh cao

B. Thiếu thốn, nghèo khổ.

C. Đầy đủ, sung túc

D. Sang trọng, phú quý

**Câu 4**. Đặc sắc về ngôn ngữ biểu đạt cảu bài thơ là:

A. Cô đọng, hàm súc

B. Cầu kì, trau chuốt   
C. Tự nhiên, mộc mạc mà ý vị   
D. Chân thực gần với ca dao

**Câu 5**. Dòng nào sau đây **không phải** là nhận xét về vẻ đẹp trong triết lí sống nhàn của bài thơ?

A. Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở tinh thần tự do lựa chọn cách sống cho mình

B. Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở nhịp sống của con người hài hòa với nhịp điệu của thiên nhiên bốn mùa.

C. Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở thú nhàn giản dị mà thanh cao như ngắm trăng, thưởng hoa, chơi đàn…

D. Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở thái độ coi thường phú quý và danh lợi.

**Câu 6**. Hai câu thơ: “*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ*/ *Người khôn, người đến chốn lao xao*” giúp ta hiểu thêm gì về quan niệm khôn, dại của Nguyễn Bỉnh Khiêm?

A. Lối sống cao ngạo , khác đời.

B. Lối sống thoát li, xa lánh cuộc đời

C. Xuất phát từ một triết lí sâu sắc về nhân sinh.

D. Cái khôn, dại trong cuộc đời là không thể lường hết được.

**Câu 7.** Bài thơ **không** đề cập đến phương diện nào của chân dung con người Nguyễn Bỉnh Khiêm?

A. Sự nghiệp

B. Cuộc sống

C. Nhân cách

D. Trí tuệ

**Trả lời các câu hỏi**:

**Câu 8**. Em hiểu thế nào là *nơi vắng vẻ* và *chốn lao xao*?

**Câu 9**. Nêu những biểu hiện của lối sống nhàn theo quan niệm của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

**Câu 10**. Nguyễn Bỉnh Khiêm có phủ nhận danh lợi phú quý không?

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | D. Sống thuận theo tự nhiên không màng công danh |
| **2** | B. Thích đi đây đi đó để thưởng ngoạn thiên nhiên. |
| **3** | A. Đạm bạc, thanh cao |
| **4** | C. Tự nhiên, mộc mạc mà ý vị |
| **5** | C. Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở thú nhàn giản dị mà thanh cao như ngắm trăng, thưởng hoa, chơi đàn… |
| **6** | C. Xuất phát từ một triết lí sâu sắc về nhân sinh |
| **7** | A. Sự nghiệp |
| **8** | - *Nơi* *vắng vẻ* là những nơi ít người, nơi thôn quê, rừng núi, hiểu rộng hơn, đó là những nơi thanh tĩnh, không có cảnh đua chen tranh giành  - *Chốn* *lao xao* là nơi có đông người, ồn ào, nơi chợ búa, thị thành, hiểu rộng hơn, đó là nơi xa hoa, quyền quý, cũng là nơi người ta cạnh tranh sát phạt lẫn nhau để mưa cầu danh lợi cho mình. |
| **9** | Các biểu hiện của lối sống nhàn theo quan điểm của Nguyễn Bỉnh Khiêm:  - Là lối sống gắn với cuộc sống lao động, theo kiểu tự cung tự cấp.  - Xa rời chốn danh lợi, tìm về chốn thanh tĩnh.  - Lối sống hoà hợp với tự nhiên  - Coi thường danh lợi, đứng cao hơn danh lợi ở đời. |
| **10** | Trong bài thơ tác giả phủ nhận danh lợi, phú quý và ca ngợi cuộc sống hòa hợp với tự nhiên, xa lánh nơi quyền quý để giữ cốt cách thanh cao. |

**Đề số 08: Đọc bài thơ:**

**Chợ Đồng**

(Nguyễn Khuyến)

*Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng,*

*Năm nay chợ họp có đông không?*

*Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.*

*Nếm rượu, tường đền được mấy ông?*

*Hàng quán người về nghe xáo xác,*

*Nợ nần năm hết hỏi lung tung.*

*Dăm ba ngày nữa tin xuân tới.*

*Pháo trúc nhà ai một tiếng đùng.*

(*Thi hào Nguyễn Khuyến: đời và thơ*, Nguyễn Huệ Chi chủ biên, NXB Giáo dục, 1994)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú

B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Song thất lục bát

D. Tự do

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ là gì?

A. Miêu tả

B. Biểu cảm

C. Tự sự

D. Nghị luận

**Câu 3.** Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)

B. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)

C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)

D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối.

**Câu 4.** Ba từ láy được tác giả sử dụng trong bài thơ?

A*.Năm nay, chợ họp, mưa bụi.*

B*.Nếm rượu, hàng quán, xáo xác.*

C*.Xáo xác, nợ nần, lung tung.*

D*.Năm nay, nợ nần, lung tung.*

**Câu 5.** Đặc điểm ngôn ngữ trong bài thơ là:

A. Trau chuốt

B. Thuần Nôm.

C. Trang trọng

D. Bình dị, thuần Nôm.

**Câu 6.** Giọng điệu của bài thơ là:

A.T ự hào.

B. Vui tươi.

C. Phấn khởi.

D. Trầm lặng, đượm một nỗi buồn man mác.

**Câu 7.** Cuộc sống sinh hoạt của người dân lao động được tái hiện trong bài thơ như thế nào?

A. Đầy đủ, sung túc.

B. Nhộn nhịp, náo nhiệt.

C. Sung túc, nhộn nhịp.

D. Nghèo túng, cơ hàn, cực nhọc.

**Trả lời các câu hỏi**:

**Câu 8.** Khung cảnh chợ Đồng được tái hiện như thế nào trong bài thơ?

**Câu 9.** Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu sau:

*Hàng quán người về nghe xao xác*

*Nợ nần năm hết hỏi lung tung.*

**Câu 10**. Nhận xét về tâm trạng, cảm xúc của Nguyễn Khuyến thể hiện trong bài thơ.

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | A. Thất ngôn bát cú |
| **2** | B. Biểu cảm |
| **3** | B. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối) |
| **4** | C*. Xáo xác, nợ nần, lung tung.* |
| **5** | D. Bình dị, thuần Nôm. |
| **6** | D. Trầm lặng, đượm một nỗi buồn man mác. |
| **7** | D. Nghèo túng, cơ hàn, cực nhọc. |
| **8** | Khung cảnh *chợ Đồng* đươc tái hiện trong bài thơ: Ngày chợ phiên nhưng không khí buồn tẻ, thưa thớt vắng vẻ, buồn trong mưa rét. |
| **9** | - Biện pháp nghệ thuật đối:  *Hàng quán người về - Nợ nần năm hết; nghe xao xác – hỏi lung tung* - Tác dụng:  + Gợi lên không khí buồn, ảm đạm của hình ảnh chợ tan, người về xao xác, xen vào đó là âm thanh hỏi - đòi nợ nhau của những người đi chợ. Hình ảnh được miêu tả trong hai câu thơ bổ sung ý nghĩa cho nhau, tạo ấn tượng về cuộc sống túng thiếu, nợ nần của dân quê.  + Qua đây cho ta cảm nhận được tâm trạng buồn, xót xa của tác giả. + Làm cho lời thơ thêm cân xứng, hài hòa. |
| **10** | - Tâm trạng của Nguyễn Khuyến khi chứng kiến nhịp sống của người dân qua cảnh chơ Đồng: tâm trạng buồn, xót xa trước cảnh chợ giáp Tết vắng vẻ, tiêu điều. Nỗi buồn trĩu nặng trong tâm hồn Nguyễn Khuyến. Nguyễn Khuyến buồn vì cảnh nghèo của người dân quê ông. Ông đã nghe trong âm thanh chợ vãn bao cảnh ngộ cơ hàn.  - Nhận xét tâm trạng của nhà thơ: Đó là nỗi lòng của một con người có tấm lòng yêu thương sâu sắc đối với những người dân nghèo. Bài thơ thể hiện tấm lòng Nguyễn Khuyến thương dân, lo đời đáng quý. |

**Đề số 09: Đọc văn bản sau:**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

***CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ***

(**Bà Huyện Thanh Quan)**

***Chiều trời*** *bảng lảng bóng hoàng hôn,  
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.  
Gác mái, ngư ông(1) về viễn phố(2),  
Gõ sừng, mục tử(3) lại cô thôn(4).  
Ngàn mai(5) gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu(6) sương sa khách bước dồn.  
Kẻ chốn trang đài(7) người lữ thứ(8),  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn(9)?*

(Nguồn: Trần Trung Viên*, Văn đàn bảo giám*, NXB Văn học, 2004)

**Chú thích:**

1. *Ngư ông:* ông già câu cá/ đánh cá
2. *Viễn phố:* nơi bến xa
3. *Mục tử:* đứa trẻ chăn trâu
4. *Cô thôn*: xóm lẻ trơ trọi
5. *Ngàn mai*: rừng mai
6. *Dặm liễu*: đường đi có trồng liễu ở hai bên
7. *Trang đài*: chốn trang điểm của người phụ nữ; ở đây dùng để chỉ người ở nhà chờ đợi.
8. *Người lữ thứ*: người ở quán trọ, dùng để chỉ người đi xa, không ở nhà.
9. *Hàn ôn*: lạnh và ấm, chỉ việc hai người gặp nhau hỏi trời lạnh và ấm thế nào, thường dùng với nghĩa tâm sự, kể lể, hỏi han.

**Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**

**Câu 1**. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

A.Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Lục bát

D. Tự do

**Câu 2**. Bài thơ sử dụng các phương thức biểu đạt nào?

A. Biểu cảm kết hợp tự sự

B. Nghị luận kết hợp biểu cảm

C. Miêu tả kết hợp tự sự

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả

**Câu 3**. Từ nào sau đây **không phải** là từ Hán Việt trong bài thơ?

A. *viễn phố*

B. *mục tử*

C. *ngư ông*

D. *ngàn mai*

**Câu 4.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,  
Dặm liễu sương sa khách bước dồn*

A. Nhân hoá

B. Ẩn dụ

C. Đảo ngữ

D. Đối lập

**Câu 5.** Dòng nào sau đây **chưa đúng** khi nói cảnh vật được miêu tả trong bài thơ?

A. Cảnh vật được miêu tả vào buổi chiều muộn nơi thôn quê.

B. Khung cảnh đẹp nhưng đượm buồn, cô đơn.

C. Sử dụng các hình ảnh ước lệ, nhiều màu sắc.

D. Cảnh vật mang hồn người, đậm đà bản sắc dân tộc.  
**Câu 6**. Dòng nào dưới đây nhận xét đúng về bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* (Bà HuyệnThanh Quan)?

A. Đây là bài thơ Đường luật viết bằng chữ Hán.

B. Đây là bài thơ thất ngôn xen lục ngôn.

C. Đây là bài thơ Đường luât tứ tuyệt viết bằng chữ Nôm.

D. Đây là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Nôm.

**Câu 7.** Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* là:

A. Kết cấu bài thơ phù hợp với tâm trạng chủ thể trữ tình.

B. Hình ảnh thơ gợi cảm, giàu màu sắc; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ.

D. Ngôn ngữ thơ Nôm bình dị nhưng giàu sức biểu cảm, táo bạo, in đậm cá tinh sáng tạo của nữ sĩ.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ Hán Việt trong bài thơ.

**Câu 9.** Anh/chị có cảm nhận gì về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu thơ cuối?

*Kẻ chốn trang đàingười lữ thứ,  
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

**Câu10**. Qua bài thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ về ý nghĩa của việc gắn bó với quê hương. (Trả lời khoảng 7 – 10 dòng)

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | B. Thất ngôn bát cú Đường luật |
| **2** | D. Biểu cảm kết hợp miêu tả |
| **3** | D. *ngàn mai* |
| **4** | C. Đảo ngữ |
| **5** | C. Sử dụng các hình ảnh ước lệ, nhiều màu sắc |
| **6** | D. Đây là một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật viết bằng chữ Nôm |
| **7** | C. Lời thơ trang nhã, sử dụng nhiều từ Hán Việt, giọng thơ man mác, hoài cổ. |
| **8** | Các từ Hán Việt tạo sắc thái tạo sắc thái trang trọng, tao nhã,  tinh tế, tạo ra sắc thái cổ, phù hợp với xã hội xưa. |
| **9** | Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong hai câu cuối: Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết. |
| **10** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:  **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;   -  **Nội dung:** Ýnghĩa của việc gắn bó với quê hương.  + Gắn bó với quê hương giúp hình thành sợi dây liên kết bền chặt giữa con người với quê hương.  + Gắn bó với quê hương giúp mỗi người có động lực sống và làm việc hết mình để xây dựng quê hương, trở thành niềm tự hào của quê hương.  + Tạo nên lối sống nghĩa tình, biết hướng về nguồn cội, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn mỗi người.  … |

**Đề số 10:**  **Đọc văn bản sau:**

**BÁNH TRÔI NƯỚC**

([Hồ Xuân Hương](https://vnexpress.net/bai-tho-banh-troi-nuoc-do-ai-sang-tac-4375120-p2.html))

*Thân em vừa trắng lại vừa tròn  
Bảy nổi ba chìm với nước non  
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn  
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

(Theo Kiều Thu Hoạch, *Thơ nôm Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, 2008)

**Câu 1.** Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào ?

A. Tự do

B. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

C. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

D. Thất ngôn bát cú Đường luật

**Câu 2.** Dòng nào dưới đây **không** dùng để miêu tả chiếc bánh trôi nước?

A. Màu trắng

B. Nhân son đỏ

C. Có nhiều hình dáng khác nhau

D. Có thể rắn hoặc nát

**Câu 3**. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng.

B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “em”.

C. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp.

D. Là chủ thể ẩn.

**Câu 4.** Thành ngữ nào sau đây gần với thành ngữ “bảy nổi ba chìm”?

A. Cơm niêu nước lọ

B. Lên thác xuống ghềnh

C. Nhà rách vách nát

D. Cơm thừa canh cặn

**Câu 5**. Mượn hình ảnh bánh trôi nước, tác giả Hồ Xuân Hương muốn nói điều gì?

A. Phản ánh phẩm chất, vẻ đẹp và thân phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

B. Phản ánh thái độ của người thưởng thức về hương vị của chiếc bánh trôi nước.

C. Thể hiện niềm thương cảm của tác giả đối với số phận của những chiếc bánh trôi nước.

D. Diễn tả lại các công đoạn làm ra chiếc bánh trôi nước và các nguyên liệu làm nên chiếc bánh.

**Câu 6**. Câu nào dưới đây nói đúng về ngôn ngữ trong bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương?

A. Ngôn ngữ bình dị, gần gũi với lời nói hàng ngày.

B. Ngôn ngữ trang trọng, nhiều từ Hán Việt.

C. Ngôn ngữ trau chuốt, gọt giũa.

D. Ngôn ngữ mang sắc thái cổ điển.

**Câu 7.** Ở lớp nghĩa hàm ẩn trong bài thơ *Bánh trôi nước*, hình ảnh người phụ nữ được miêu tả như thế nào?

A. Là người phụ nữ có hình dáng bên ngoài xấu xí nhưng tốt bụng và có tấm lòng nhân hậu.

B. Là người phụ nữ đại diện cho phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến nói chung.

C. Là người phụ nữ nghèo, có hình dáng bên ngoài bình thường, dù sống trong cảnh nào thì người phụ nữ ấy vẫn giữ được phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam.

D. Là người phụ nữ có nhan sắc xinh đẹp nhưng số phận lại long đong ba chìm bảy nổi, và dù sống trong cảnh tối tăm nhưng người phụ nữ ấy vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp của mình.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8**. Tác giả mượn đặc điểm của bánh trôi để khẳng định phẩm chất gì của người phụ nữ Việt Nam? **Câu 9.** Nêu tình cảm, thái độ của nhà thơ thể hiện qua bài thơ.

**Câu 10**. Từ hình ảnh bánh trôi nước, viết đoạn văn (7 – 9 dòng) nêu suy nghĩ của anh/ chị về số phận và phẩm chất của người phụ nữ xưa.

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | C. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật |
| **2** | C. Có nhiều hình dáng khác nhau |
| **3** | B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “em” |
| **4** | B. Lên thác xuống ghềnh |
| **5** | A. Phản ánh phẩm chất, vẻ đẹp và thân phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. |
| **6** | A. Ngôn ngữ bình dị, gần gũi với lời nói hàng ngày |
| **7** | D. Là người phụ nữ có nhan sắc xinh đẹp nhưng số phận lại long đong ba chìm bảy nổi, và dù sống trong cảnh tối tăm nhưng người phụ nữ ấy vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp của mình. |
| **8** | Tác giả mượn đặc điểm của bánh trôi để khẳng định phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam: dù gặp cảnh ngộ nào thì người phụ nữ vẫn giữ được tấm lòng son sắt, thủy chung cùng những vẻ đẹp tâm hồn cao quý khác. |
| **9** | Tình cảm, thái độ của tác giả:   * Trân trọng ngợi ca vẻ đẹp hình thức, vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ. * Đồng cảm với số phận bất hạnh của người phụ nữ khi họ là nạn nhân của chế độ phong kiến đương thời. |
| **10** | **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;  - **Nội dung:** Suy nghĩ về thân phận và vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa:  + Những tác phẩm văn học trung đại đem lại cho chúng ta biết bao suy nghĩ cùng  sự đồng cảm với số phận bất hạnh, đặc biệt là người phụ nữ.  + Sống trong một chế độ phong kiến bất công với bao thành kiến lạc hậu, người phụ nữ luôn phải chịu những bất công, thiệt thòi, nhiều mất mát và hi sinh.  + Họ chịu sự ràng buộc, áp đặt của lễ giáo phong kiến hà khắc với đạo tam tòng, tứ đức, với thói trọng nam khinh nữ.  + Dù phải chịu nhiều bất công, ngang trái nhưng người phụ nữ vẫn giữ được sự son sắt, thủy chung cùng khát khao hạnh phúc, tình duyên.  ... |

**Đề số 11:**  **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**PHÒ GIÁ VỀ KINH(\*)**

**(Trần Quang Khải)**

**Phiên âm:**

*Đoạt sáo Chương Dương độ  
Cầm Hồ Hàm Tử quan  
Thái bình tu trí lực  
Vạn cổ thử giang san*

**Dịch nghĩa:**

*Cướp giáo giặc ở bến Chương Dương,*

*Bắt quân Hồ ở cửa Hàm Tử.*

*Thái bình rồi nên dốc hết sức lực,*

*Muôn đời vẫn có non sông này.*

**Dịch thơ:**

*Chương Dương cướp giáo giặc,*

*Hàm Tử bắt quân thù.*

*Thái bình nên gắng sức,*

*Non nước ấy ngàn thu.*

(Trần Trọng Kim dịch, trong *Việt Nam sử lược*, NXB Tân Việt, Hà Nội, 1951)

**(\*)** Trần Quang Khải (1241 – 1294) là một võ tướng kiệt xuất, có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên (1284-1285; 1287-1288), đặc biệt là trong hai trận chiến thắng ở Hàm Tử và Chương Dương.

Bài thơ “Phò giá về kinh” được làm khi Trần Quang Khải đi đón Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông về Thăng Long (Hà Nội ngày nay) ngay sau chiến thắng Chương Dương, Hàm Tử và giải phóng kinh đô năm 1285.

[**Câu 1.** Bài thơ “Phò giá về kinh” được viết theo thể loại nào?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tac-pham-duoc-viet-theo-the-loai-nao-c-ngu-ngon-tu-tuyet-trac-nghiem-mon-ngu-60765)

A. Thơ thất ngôn tứ tuyệt

B. Thất ngôn bát cú

C. Ngũ ngôn tứ tuyệt

D. Ngũ ngôn

**Câu 2.** Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về bài thơ “Phò giá về kinh”?

A. Đây là một bài thơ Đường luật chữ Nôm.

B. Bài thơ ra đời ngay sau chiến thắng quân Mông Nguyên lần hai.

C. Bài thơ là sáng tác của một vị tướng tham gia chống quân Mông Nguyên.

D. Bài thơ nói về hai chiến thắng lớn của quân dân ta trong kháng chiến chống quân Mông Nguyên.

**Câu 3.** Ý nào **không đúng** khi nói về nội dung của hai câu thơ đầu?

A. Nói về hào khí chiến thắng của dân tộc trong cuộc chiến chống Mông- Nguyên xâm lược.

B. Hai chiến thắng quan trọng để giải phóng kinh đô Thăng Long.

C. Chiến thắng quan trọng có công sức của tác giả: chiến thắng ở Chương Dương và Hàm Tử.

D. Tác giả hồi tưởng lại những chiến thắng oai hùng của dân tộc trong quá khứ.

**Câu 4**[. Nội dung của hai câu thơ sau trong bài *Phò giá về kinh* là?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/noi-dung-cua-hai-cau-tho-sau-trong-bai-pho-gia-ve-kinh-d-ca-3-dap-an-tren-trac-60768)

A. Lời hứa của tác giả tu dưỡng bản thân.

B. Khát vọng muôn đời thái bình, độc lập.

C. Lời khuyên bảo của tác giả với tướng sĩ.

D. Sự dự đoán tương lai bền vững của đất nước.

**Câu 5.** Đặc điểm gieo vần của bài thơ *Phò giá về kinh*?  
A. Gieo vần lưng  
B. Vần trắc  
C. Vần được gieo ở tiếng thứ 5 của các câu 2, 4  
D. Gieo cả vần chân và vần lưng rất linh hoạt

**Câu 6.** Từ “giang san” trong bản phiên âm có nghĩa là:

A. Đất nước C. Bến sông

B. Núi sông D. Kinh đô

**Câu 7.** Ý nào **không phải** là đặc điểm nghệ thuật của bài thơ *Phò giá về kinh*?

A. Thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt cô đọng, hàm súc.

B. Giọng điệu sảng khoái, hân hoan, tự hào.

C. Hình thức diến đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng.

D. Hình ảnh ước lệ, giàu ý nghĩa biểu tượng.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8**. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ đầu. **Câu 9.** Nêu tình cảm, thái độ của nhà thơ thể hiện qua bài thơ.

**Câu 10**. Qua bài thơ, viết đoạn văn (7 – 9 dòng) để trả lời câu hỏi: *Thế hệ trẻ cần làm gì để góp phần xây dựng đất nước bền vững muôn đời?*

**GỢI Ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án gợi ý** |
| **1** | C. Ngũ ngôn tứ tuyệt |
| **2** | A. Đây là một bài thơ Đường luật chữ Nôm |
| **3** | D. Tác giả hồi tưởng lại những chiến thắng oai hùng của dân tộc trong quá khứ |
| **4** | B. Khát vọng muôn đời thái bình, độc lập |
| **5** | C. Vần được gieo ở tiếng thứ 5 của các câu 2, 4 |
| **6** | B. Núi sông |
| **7** | D. Hình ảnh ước lệ, giàu ý nghĩa biểu tượng |
| **8** | * Phép đối giữa hai câu thơ đầu:   *Đoạt sáo* (cướp giáo giặc) – *Cầm Hồ* (bắt quân giặc nói chung); *Chương Dương độ* (bến Chương Dương) *– Hàm Tử quan* (cửa Hàm Tử)   * Tác dụng:   + Nhấn mạnh, làm nổi bật hai chiến thắng lớn của quân và dân ta ở Chương Dương và Hàm Tử;  + Thể hiện niềm tự hào sâu sắc của nhà thơ;  + Tạo sự đối xứng, hài hoà cho hai câu thơ. |
| **9** | Tình cảm, thái độ của tác giả:   * Niềm tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc. * Niềm mong muốn, khát vọng về một đất nước bền vững, thịnh trị. |
| **10** | **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;  **- Nội dung:** Trả lời câu hỏi:*Thế hệ trẻ cần làm gì để góp phần xây dựng đất nước bền vững muôn đời?* (trách nhiệm của thế hệ trẻ)  + Nỗ lực học tập, trau dồi bản thân, rèn luyện đạo đức, sống có ước mơ, hoài bão, mục tiêu và cố gắng vươn lên.  + Tích cực tham gia vào các hoạt động công ích, các hoạt động tình nguyện, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác.  + Sống có tinh thần tập thể, đi theo cái hay, cái đúng, bỏ qua cái tôi vì lợi ích chung của cộng đồng.  … |